TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 557/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2024
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 475/2024/QĐXX - ST, ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1986; địa chỉ: khu phố Q, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1981; địa chỉ: khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 21/4/2008, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G vào ngày 30/6/2008. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 2/2024 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh H đi biển dài ngày, khi trở về thì ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc do anh H không trung thực, hai người hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù, đã cho nhau nhiều cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Chị thấy rằng cuộc sống giữa chị và anh H không còn hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho

chị được ly hôn với anh H; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Như Ý - sinh ngày 19/3/2015, hiện con đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G. Trong quá trình chung sống, anh đi biển mấy tháng mới về nhà một lần, dẫn đến vợ chồng có cự cãi nhau nhưng anh vẫn còn thương vợ, anh không đồng ý ly hôn; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Như Ý - sinh ngày 19/3/2015, hiện con đang ở với mẹ, nếu con theo mẹ thì anh cũng đồng ý giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng, anh có tiền thì sẽ tiếp giúp nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh H.

{1.3} Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Nên đây là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân : Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Thanh H trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào ngày 21/4/2008. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 30/6/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống do anh H đi biển nhiều ngày mới trở về nhà nên vợ chồng không có thời gian quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh H nghi ngờ chị T có mối quan hệ ngoại tình, chị T cho rằng đã giải thích nhiều lần nhưng anh H không nghe dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị đã bỏ qua rất nhiều lần, tạo nhiều cơ hội và kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vẫn tạo điều kiện cho anh, chị có cơ hội được hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không có kết quả, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, theo như trình bày của anh H thì anh cho rằng còn thương vợ con không đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ

chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và nuôi dạy con cái, kể từ tháng 2/2024 cho đến nay chị T và anh H sống ly thân, anh H cũng không thể hiện sự quan tâm chăm sóc đối với vợ con, bỏ mặc mạnh ai người đó sống; theo anh H thì anh không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng cũng không trở về đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

{2.2} Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 người con chung Nguyễn Thị Như Ý - sinh ngày 19/3/2015, hiện cháu đang ở với chị T. Anh H và chị T thỏa thuận anh H giao cháu Ý cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, sự thỏa thuận trên của anh, chị cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ý là cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ. Cho nên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên của chị T, anh H.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002981 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh H; anh H giao cháu Nguyễn Thị Như Ý - sinh ngày 19/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (xét theo nguyện vọng của cháu Ý). Chị T không yêu cấp dưỡng nên anh H không phải cấp dưỡng. Anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002981 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; chị T được tính kể từ ngày tuyên án (18/9/2024); anh H được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Thi hành án huyện*
- *UBND xã, thị*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên